

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA 2

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (31)								
1	25.02.01.0001	Nguyễn Thị Thu	Anh	Nữ	05/11/1994	6.50	Miễn	6.50	
2	25.02.01.0002	Nguyễn Duy	Anh	Nam	12/08/1995	6.00	8.50	6.00	
3	25.02.01.0003	Phan Văn	Bình	Nam	10/04/1994	6.00	7.50	6.00	
4	25.02.01.0004	Nguyễn Tiến Phát	Đạt	Nam	16/09/1992	5.00	Miễn	5.00	
5	25.02.01.0005	Nguyễn Trung	Đức	Nam	24/08/1993	v	Miễn	0.00	
6	25.02.01.0006	Đào Xuân	Hà	Nữ	13/02/1996	8.00	Miễn	8.00	
7	25.02.01.0007	Trần Đức	Hải	Nam	24/01/1992	7.00	Miễn	7.00	
8	25.02.01.0008	Hoàng Thuý	Hằng	Nữ	28/07/1994	v	Miễn	0.00	
9	25.02.01.0009	Lê Minh	Hoàn	Nam	12/06/1983	5.50	7.00	5.50	
10	25.02.01.0010	Trần Nam	Hung	Nam	12/10/1987	6.00	Miễn	6.00	
11	25.02.01.0011	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	19/07/1993	6.00	7.50	6.00	
12	25.02.01.0012	Đào Thị Thu	Hường	Nữ	19/06/1991	6.00	7.50	6.00	
13	25.02.01.0013	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	Nữ	15/05/1988	8.50	Miễn	8.50	
14	25.02.01.0014	Nguyễn Tiến	Khanh	Nam	02/10/1994	6.50	8.50	6.50	
15	25.02.01.0015	Phạm Đình	Khuong	Nam	01/03/1977	4.00	5.50	4.00	
16	25.02.01.0016	Tô Khải	Liêl	Nam	19/05/1980	6.50	8.00	6.50	
17	25.02.01.0017	Nguyễn Ngọc	Lương	Nam	17/3/1982	6.50	Miễn	6.50	
18	25.02.01.0018	Nguyễn Nguyên	Ngọc	Nam	13/01/1990	4.00	7.50	4.00	
19	25.02.01.0019	Trần Hoài	Nhiên	Nữ	23/02/1989	5.50	8.50	5.50	
20	25.02.01.0020	Phạm Minh	Quang	Nam	04/02/1992	6.00	Miễn	6.00	
21	25.02.01.0021	Hoàng Thanh	Son	Nam	18/08/1987	6.00	5.50	6.00	
22	25.02.01.0022	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	19/06/1991	6.50	Miễn	6.50	
23	25.02.01.0023	Nguyễn Hoàng Quế	Thanh	Nữ	12/11/1982	6.00	Miễn	6.00	
24	25.02.01.0024	Tôn Long Hoàng	Thân	Nam	20/05/1991	6.50	Miễn	6.50	
25	25.02.01.0025	Thiều Văn	Thiện	Nam	18/6/1983	8.50	6.00	8.50	
26	25.02.01.0026	Nguyễn Ngọc	Thủy	Nam	22/7/1986	4.00	5.50	4.00	
27	25.02.01.0027	Võ Hưng Anh	Thư	Nữ	21/01/1994	8.00	Miễn	8.00	
28	25.02.01.0028	Trần Thị	Trinh	Nữ	19/08/1993	4.00	Miễn	4.00	
29	25.02.01.0029	Võ Đoàn	Trung	Nam	16/04/1992	5.00	9.00	5.00	
30	25.02.01.0030	Lê Quang Minh	Tú	Nữ	21/09/1984	4.00	Miễn	4.00	
31	25.02.01.0031	Lê Nguyễn Thảo	Uyên	Nữ	21/11/1993	6.50	Miễn	6.50	
	NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH (33)								
1	25.02.02.0032	Đỗ Bình	An	Nam	12/09/1977	5.00	Miễn	5.00	
2	25.02.02.0033	Phạm Ngọc	Anh	Nam	30/07/1993	6.50	Miễn	6.50	
3	25.02.02.0034	Nguyễn Khiêu	Châm	Nam	06/11/1983	v	Miễn	0.00	



STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
4	25.02.02.0035	Trần Quang	Dũng	Nam	18/10/1990	5.50	Miễn	5.50	
5	25.02.02.0036	Đàm Thanh	Dương	Nam	05/07/1993	6.50	Miễn	6.50	
6	25.02.02.0037	Đinh Quốc	Đạt	Nam	30/09/1990	7.50	Miễn	7.50	
7	25.02.02.0038	Nguyễn Như	Hậu	Nam	23/08/1981	5.00	Miễn	5.00	
8	25.02.02.0039	Lê Đức	Hiếu	Nam	04/11/1990	6.00	Miễn	6.00	
9	25.02.02.0040	Lê Trung	Hiếu	Nam	20/03/1994	7.50	Miễn	7.50	
10	25.02.02.0041	Văn Trọng	Hiếu	Nam	23/10/1990	6.00	Miễn	6.00	
11	25.02.02.0042	Nguyễn Đăng	Hiệp	Nam	05/02/1993	v	v	0.00	
12	25.02.02.0043	Nguyễn Thiện	Hoàng	Nam	22/11/1986	6.50	7.50	6.50	
13	25.02.02.0044	Bế Minh	Kha	Nam	21/03/1990	5.00	7.00	5.00	
14	25.02.02.0045	Nguyễn Nguyên	Khang	Nam	27/05/1993	5.50	Miễn	5.50	
15	25.02.02.0046	Trần Quang	Khanh	Nam	26/05/1994	7.50	Miễn	7.50	
16	25.02.02.0047	Trần Trịnh Trung	Nam	Nam	24/08/1984	v	Miễn	0.00	
17	25.02.02.0048	Nguyễn Văn	Ốn	Nam	11/05/1990	6.50	7.50	6.50	
18	25.02.02.0049	Lê Đăng	Phong	Nam	26/08/1993	6.50	Miễn	6.50	
19	25.02.02.0050	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	17/03/1993	7.00	5.00	7.00	
20	25.02.02.0051	Lê Anh	Son	Nam	20/01/1983	8.00	Miễn	8.00	
21	25.02.02.0052	Trần Hữu	Tân	Nam	13/11/1979	5.00	Miễn	5.00	
22	25.02.02.0053	Nguyễn Phước	Thành	Nam	19/05/1992	7.00	Miễn	7.00	
23	25.02.02.0054	Huỳnh Tấn	Thịnh	Nam	24/08/1985	7.00	Miễn	7.00	
24	25.02.02.0055	Nguyễn Tất Bảo	Thịnh	Nam	02/10/1987	8.00	Miễn	8.00	
25	25.02.02.0056	Nguyễn Thiện	Thuật	Nam	10/08/1981	6.50	Miễn	6.50	
26	25.02.02.0057	Nguyễn Văn	Tĩnh	Nam	04/01/1987	7.00	6.50	7.00	
27	25.02.02.0058	Trần Quốc	Toàn	Nam	14/06/1993	6.00	6.00	6.00	
28	25.02.02.0059	Nguyễn Thế	Tuân	Nam	30/09/1985	7.50	Miễn	7.50	
29	25.02.02.0060	Phan Văn Đức	Tuấn	Nam	11/06/1991	6.00	6.00	6.00	
30	25.02.02.0061	Lê Việt Đình	Văn	Nam	06/02/1994	5.50	Miễn	5.50	
31	25.02.02.0062	Nguyễn Văn	Việt	Nam	16/08/1987	8.00	7.50	8.00	
32	25.02.02.0063	Lê Khắc	Vũ	Nam	10/03/1992	5.50	Miễn	5.50	
33	25.02.02.0064	Lê Danh	Xuân	Nam	20/04/1992	7.50	Miễn	7.50	
	NGÀNH: DA LIỄU (22)								
1	25.02.03.0065	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	16/8/1993	9.00	Miễn	9.00	
2	25.02.03.0066	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	15/06/1994	v	Miễn	0.00	
3	25.02.03.0067	Ngô Thị Thùy	Dương	Nữ	10/10/1995	v	Miễn	0.00	
4	25.02.03.0068	Phạm Quang	Đạt	Nam	02/11/1995	9.00	Miễn	9.00	
5	25.02.03.0069	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	25/02/1994	v	v	0.00	
6	25.02.03.0070	Võ Trường Quang	Huy	Nam	23/07/1989	7.50	Miễn	7.50	
7	25.02.03.0071	Đinh Ngọc	Liên	Nữ	16/10/1985	9.00	Miễn	9.00	
8	25.02.03.0072	Hồ Bảo	Ngọc	Nữ	24/04/1993	8.00	Miễn	8.00	
9	25.02.03.0073	Phạm Thị Hồng	Phượng	Nữ	20/09/1994	8.00	Miễn	8.00	
10	25.02.03.0074	Trần Thị	Phượng	Nữ	20/06/1994	8.00	Miễn	8.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
11	25.02.03.0075	Nguyễn Minh	Quang	Nam	27/04/1993	9.50	9.50	9.50	
12	25.02.03.0076	Phạm Thị Thảo	Quyên	Nữ	09/12/1993	8.00	Miễn	8.00	
13	25.02.03.0077	Nguyễn Đoan	Quỳnh	Nữ	12/06/1990	9.00	Miễn	9.00	
14	25.02.03.0078	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	27/08/1993	v	v	0.00	
15	25.02.03.0079	Vũ Hồng Phương	Thy	Nữ	01/10/1992	v	Miễn	0.00	
16	25.02.03.0080	Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	16/07/1991	8.00	Miễn	8.00	
17	25.02.03.0081	Thái Lê Minh	Trí	Nam	11/12/1991	9.50	Miễn	9.50	
18	25.02.03.0082	Phạm Thành	Trung	Nam	01/07/1993	v	v	0.00	
19	25.02.03.0083	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	06/11/1989	1.50	5.00	1.50	
20	25.02.03.0084	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	07/01/1982	v	v	0.00	
21	25.02.03.0085	Phạm Tăng	Tùng	Nam	01/01/1994	v	v	0.00	
22	25.02.03.0086	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	28/11/1987	1.50	Miễn	1.50	
NGÀNH: HUYẾT HỌC (2)									
1	25.02.07.0087	Hoàng Duy	Nam	Nam	20/01/1985	8.50	Miễn	8.50	
2	25.02.07.0088	Mã Xuân	Tuấn	Nam	22/05/1991	7.50	Miễn	7.50	
NGÀNH: LÃO KHOA (10)									
1	25.02.39.0089	Võ Minh	Cường	Nam	30/06/1985	5.50	Miễn	5.50	
2	25.02.39.0090	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	03/06/1988	5.50	Miễn	5.50	
3	25.02.39.0091	Hoàng Thái	Dương	Nam	06/12/1985	5.00	7.00	5.00	
4	25.02.39.0092	Phạm Thị Hà	Giang	Nữ	23/02/1986	5.50	Miễn	5.50	
5	25.02.39.0093	Hoàng Thị Kiều	Hoa	Nữ	30/06/1985	6.00	8.00	6.00	
6	25.02.39.0094	Hoàng Như	Phúc	Nam	15/10/1979	3.50	Miễn	3.50	
7	25.02.39.0095	Phạm Thị Diễm	Thảo	Nữ	12/09/1983	6.00	8.00	6.00	
8	25.02.39.0096	Lê Thị Minh	Thạch	Nữ	29/08/1990	6.00	Miễn	6.00	
9	25.02.39.0097	Đoàn Quyết	Thắng	Nam	16/08/1988	5.00	6.50	5.00	
10	25.02.39.0098	Đỗ Thiện	Toàn	Nam	29/09/1986	v	v	0.00	
NGÀNH: NỘI TIM MẠCH (24)									
1	25.02.11.0160	Bùi Tuấn	Anh	Nam	25/02/1993	6.00	Miễn	6.00	
2	25.02.11.0161	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	Nam	07/10/1986	7.50	7.50	7.50	
3	25.02.11.0162	Phạm Công	Danh	Nam	08/01/1996	8.00	Miễn	8.00	
4	25.02.11.0163	Hồ Thanh	Hung	Nam	15/04/1982	5.00	Miễn	5.00	
5	25.02.11.0164	Nguyễn Thị Bảo	Hương	Nữ	24/01/1994	4.00	7.50	4.00	
6	25.02.11.0165	Nguyễn Phạm Diễm	Kiều	Nữ	04/01/1984	7.00	Miễn	7.00	
7	25.02.11.0166	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	15/10/1982	5.00	7.00	5.00	
8	25.02.11.0167	Ngụy Minh	Mẫn	Nam	21/04/1989	4.00	3.00	4.00	
9	25.02.11.0168	Lê	Minh	Nam	11/11/1978	7.50	Miễn	7.50	
10	25.02.11.0169	Trần Đại	Nghĩa	Nam	25/12/1994	6.50	8.00	6.50	
11	25.02.11.0170	Nguyễn Thụy Hải	Nguyên	Nữ	19/05/1983	7.50	7.00	7.50	
12	25.02.11.0171	Nguyễn Đức	Sự	Nam	09/06/1984	v	Miễn	0.00	
13	25.02.11.0172	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	18/05/1986	7.50	Miễn	7.50	
14	25.02.11.0173	Lý Hoàng	Thông	Nam	01/01/1990	7.00	6.00	7.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
15	25.02.11.0174	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	22/12/1991	7.50	Miễn	7.50	
16	25.02.11.0175	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	10/05/1986	7.00	6.50	7.00	
17	25.02.11.0176	Trần Thu	Trang	Nữ	06/07/1982	7.00	8.00	7.00	
18	25.02.11.0177	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	17/12/1988	v	Miễn	0.00	
19	25.02.11.0178	Phan Minh	Trung	Nam	22/07/1990	7.00	Miễn	7.00	
20	25.02.11.0179	Nguyễn Tất	Trung	Nam	15/01/1992	7.50	Miễn	7.50	
21	25.02.11.0180	Lê Văn	Tuyển	Nam	14/02/1993	7.00	8.50	7.00	
22	25.02.11.0181	Trần Thế	Vinh	Nam	03/01/1993	7.00	9.00	7.00	
23	25.02.11.0182	Đình Quang	Vinh	Nam	12/12/1992	7.00	6.50	7.00	
24	25.02.11.0183	Nguyễn Duy Anh	Vũ	Nam	29/11/1983	v	Miễn	0.00	
NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (24)									
1	25.02.10.0184	Kim Tường	An	Nữ	31/08/1991	7.00	Miễn	7.00	
2	25.02.10.0185	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	06/09/1981	6.50	7.00	6.50	
3	25.02.10.0186	Phạm Thùy	Dung	Nữ	27/11/1993	v	Miễn	0.00	
4	25.02.10.0187	Phạm Hoài	Dũng	Nam	10/06/1994	7.00	7.00	7.00	
5	25.02.10.0188	Phạm Vũ Minh	Đình	Nam	08/09/1992	7.50	Miễn	7.50	
6	25.02.10.0189	Nguyễn Phương	Giao	Nữ	15/01/1991	v	Miễn	0.00	
7	25.02.10.0190	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	27/02/1982	5.50	Miễn	5.50	
8	25.02.10.0191	Phạm Văn	Hoàng	Nam	14/08/1994	7.50	Miễn	7.50	
9	25.02.10.0192	Kim Thị Hoàng	Huyền	Nữ	24/07/1992	5.50	6.00	5.50	
10	25.02.10.0193	Nguyễn Phan Thảo	Lan	Nữ	10/04/1993	7.00	7.50	7.00	
11	25.02.10.0194	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	26/07/1983	6.00	6.50	6.00	
12	25.02.10.0195	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	30/03/1993	7.50	8.00	7.50	
13	25.02.10.0196	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	02/06/1993	7.00	Miễn	7.00	
14	25.02.10.0197	Nguyễn Minh	Phong	Nam	27/12/1994	8.00	8.00	8.00	
15	25.02.10.0198	Trương Như	Quân	Nam	26/03/1984	7.00	Miễn	7.00	
16	25.02.10.0199	Nguyễn Phan Anh	Quốc	Nam	21/06/1992	6.00	5.00	6.00	
17	25.02.10.0200	Võ Hà Băng	Sương	Nữ	20/10/1978	7.50	Miễn	7.50	
18	25.02.10.0201	Trần Tấn	Tài	Nam	20/07/1987	7.50	Miễn	7.50	
19	25.02.10.0202	Lê Đình	Thế	Nam	26/11/1980	5.50	Miễn	5.50	
20	25.02.10.0203	Ngô Quốc	Thịnh	Nam	06/11/1988	6.50	Miễn	6.50	
21	25.02.10.0204	Phan Chí	Thịnh	Nam	25/07/1992	6.00	9.00	6.00	
22	25.02.10.0205	Phạm Quang	Toàn	Nam	13/02/1984	5.50	8.00	5.50	
23	25.02.10.0206	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	Nữ	28/08/1992	8.00	Miễn	8.00	
24	25.02.10.0207	Trần Thị Kim	Trúc	Nữ	28/09/1994	8.00	Miễn	8.00	
NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC (5)									
1	25.02.33.0099	Nguyễn Đắc	Khoa	Nam	19/3/1988	8.00	Miễn	8.00	
2	25.02.33.0100	Hoàng Nguyễn Quang	Minh	Nam	06/05/1992	6.50	Miễn	6.50	
3	25.02.33.0101	Phan Văn	Thắng	Nam	19/05/1993	7.00	Miễn	7.00	
4	25.02.33.0102	Nguyễn Thành	Trung	Nam	29/10/1993	5.50	Miễn	5.50	
5	25.02.33.0103	Nguyễn Hồng	Tùng	Nam	18/07/1987	5.00	7.50	5.00	

PHÒNG
KHOA
THẠCH
LẠNH

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
	NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU (12)								
1	25.02.34.0104	Võ Minh Đạt	Nam	07/08/1996	6.50	Miễn	6.50		
2	25.02.34.0105	Nguyễn Lê Quý Đông	Nam	06/12/1986	6.50	7.50	6.50		
3	25.02.34.0106	Dương Phúc Hải	Nam	08/10/1996	8.00	8.50	8.00		
4	25.02.34.0107	Dương Đăng Hiếu	Nam	27/10/1994	7.50	7.00	7.50		
5	25.02.34.0108	Võ Thị Thanh Huyền	Nữ	27/12/1994	7.00	8.00	7.00		
6	25.02.34.0109	Nguyễn Văn Khoa	Nam	06/12/1989	8.50	Miễn	8.50		
7	25.02.34.0110	Trần Ngọc Thảo Linh	Nữ	24/12/1995	7.00	Miễn	7.00		
8	25.02.34.0111	Nguyễn Hữu Mạnh	Nam	06/08/1996	5.50	Miễn	5.50		
9	25.02.34.0112	Lê Văn Mỹ	Nam	30/04/1989	7.00	Miễn	7.00		
10	25.02.34.0113	Bùi Quan Thiên Phú	Nam	20/02/1995	8.00	Miễn	8.00		
11	25.02.34.0114	Lê Hoàng Thịnh	Nam	20/05/1985	5.50	Miễn	5.50		
12	25.02.34.0115	Đinh Quang Tín	Nam	14/10/1990	6.00	6.50	6.00		
	NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (14)								
1	25.02.12.0116	Ngô Trường Hoàng An	Nam	08/04/1996	8.00	Miễn	8.00		
2	25.02.12.0117	Nguyễn Hoài Nhật Duy	Nam	02/10/1996	9.00	9.00	9.00		
3	25.02.12.0118	Mai Văn Dũng	Nam	02/08/1994	8.50	8.00	8.50		
4	25.02.12.0119	Nguyễn Nguyên Đức	Nam	26/03/1996	9.00	Miễn	9.00		
5	25.02.12.0120	Trịnh Hoàng Minh Đức	Nam	08/10/1996	9.00	Miễn	9.00		
6	25.02.12.0121	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	01/01/1993	8.50	Miễn	8.50		
7	25.02.12.0122	Nguyễn Đức Hưng	Nam	18/08/1986	6.00	Miễn	6.00		
8	25.02.12.0123	Nguyễn Hoàng Khánh	Nam	06/04/1988	7.50	8.50	7.50		
9	25.02.12.0124	Nguyễn Hoài Kim	Nam	02/07/1996	9.50	Miễn	9.50		
10	25.02.12.0125	Phạm Trần Cao Nguyên	Nam	16/04/1985	8.00	8.50	8.00		
11	25.02.12.0126	Nguyễn Minh Nhật	Nam	26/11/1996	8.50	Miễn	8.50		
12	25.02.12.0127	Trần Hoàng Nhựt	Nam	06/08/1993	8.00	Miễn	8.00		
13	25.02.12.0128	Trần Minh Thiện	Nam	28/09/1995	9.00	Miễn	9.00		
14	25.02.12.0129	Nguyễn Phúc Minh Tuệ	Nam	01/11/1979	7.50	8.50	7.50		
	NGÀNH: NHÂN KHOA (9)								
1	25.02.08.0130	Nguyễn Trịnh Bảo An	Nam	13/12/1989	8.50	Miễn	8.50		
2	25.02.08.0131	Lê Thiệu Du	Nam	13/05/1979	10.00	Miễn	10.00		
3	25.02.08.0132	Nguyễn Đức Huy	Nam	08/07/1990	6.50	Miễn	6.50		
4	25.02.08.0133	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	26/04/1985	6.50	Miễn	6.50		
5	25.02.08.0134	Đào Thị Phương Linh	Nữ	21/01/1989	10.00	Miễn	10.00		
6	25.02.08.0135	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	16/07/1990	9.50	Miễn	9.50		
7	25.02.08.0136	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	03/11/1986	10.00	Miễn	10.00		
8	25.02.08.0137	Nguyễn Đức Trường Xuân	Nam	26/11/1965	10.00	5.00	10.00		
9	25.02.08.0138	Bùi Hải Yến	Nữ	06/04/1988	7.00	8.00	7.00		
	NGÀNH: NHI KHOA (21)								
1	25.02.09.0139	Lâm Ngọc Ánh	Nữ	01/09/1988	6.00	Miễn	6.00		
2	25.02.09.0140	Bùi Bách Đạt	Nam	10/11/1991	10.00	Miễn	10.00		



Trang 5/9

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
3	25.02.09.0141	Lê Minh	Hiếu	Nam	05/10/1990	10.00	Miễn	10.00	
4	25.02.09.0142	Phạm Ngọc	Hiệp	Nữ	27/05/1987	7.50	Miễn	7.50	
5	25.02.09.0143	Nhâm Hải	Hoàng	Nam	11/10/1990	9.00	Miễn	9.00	
6	25.02.09.0144	Đỗ Minh	Hùng	Nam	07/05/1989	8.50	Miễn	8.50	
7	25.02.09.0145	Trần Thị	Hường	Nữ	15/08/1986	5.00	Miễn	5.00	
8	25.02.09.0146	Phan Nhật	Kha	Nam	10/01/1992	5.00	Miễn	5.00	
9	25.02.09.0147	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Nữ	17/12/1994	8.00	Miễn	8.00	
10	25.02.09.0148	Phan Trần Trúc	Ly	Nữ	13/08/1994	8.00	Miễn	8.00	
11	25.02.09.0149	Nguyễn Thị Yến	Ngân	Nữ	22/12/1988	9.00	Miễn	9.00	
12	25.02.09.0150	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	13/03/1994	6.00	Miễn	6.00	
13	25.02.09.0151	Cao Xuân	Phụng	Nữ	12/07/1985	8.50	Miễn	8.50	
14	25.02.09.0152	Lâm Lê	Phương	Nữ	12/08/1990	9.50	Miễn	9.50	
15	25.02.09.0153	Đào Thị Cẩm	Thùy	Nữ	23/06/1986	6.50	Miễn	6.50	
16	25.02.09.0154	Lê Thị Thanh	Tiên	Nữ	31/07/1988	v	Miễn	0.00	
17	25.02.09.0155	Nguyễn Đình	Toại	Nam	06/11/1986	8.50	Miễn	8.50	
18	25.02.09.0156	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	09/09/1995	9.50	Miễn	9.50	
19	25.02.09.0157	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/02/1994	v	v	0.00	
20	25.02.09.0158	Phạm Đỗ	Uyên	Nữ	19/04/1987	10.00	Miễn	10.00	
21	25.02.09.0159	Nguyễn Trần Anh	Vũ	Nam	21/12/1987	9.00	Miễn	9.00	
NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ (14)									
1	25.02.13.0208	Vũ Ngọc	Anh	Nam	12/03/1993	8.00	Miễn	8.00	
2	25.02.13.0209	Kha Huy	Hùng	Nam	27/8/1973	v	v	0.00	
3	25.02.13.0210	Tạ Trung	Kiên	Nam	05/04/1993	v	Miễn	0.00	
4	25.02.13.0211	Nguyễn Trường	Kỳ	Nam	31/05/1985	v	v	0.00	
5	25.02.13.0212	Đặng Hoài	Long	Nam	20/10/1992	1.50	6.50	1.50	
6	25.02.13.0213	Nguyễn Văn	Nam	Nam	03/03/1990	5.50	Miễn	5.50	
7	25.02.13.0214	Phạm Thành	Nam	Nam	24/10/1990	7.00	Miễn	7.00	
8	25.02.13.0215	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	31/07/1982	7.50	Miễn	7.50	
9	25.02.13.0216	Phan Võ Thy	Ngân	Nữ	23/10/1995	9.00	Miễn	9.00	
10	25.02.13.0217	Trần Lê Hồng	Ngọc	Nữ	13/12/1983	8.00	Miễn	8.00	
11	25.02.13.0218	Nguyễn Hồng	Nhân	Nam	18/12/1986	6.00	Miễn	6.00	
12	25.02.13.0219	Dương Thị Ngọc	Quyên	Nữ	11/02/1984	5.50	Miễn	5.50	
13	25.02.13.0220	Đỗ Đăng	Trường	Nam	20/02/1995	7.50	Miễn	7.50	
14	25.02.13.0221	Đoàn Mạnh	Tùng	Nam	26/06/1982	2.50	Miễn	2.50	
NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ (12)									
1	25.02.14.0222	Đào Huy	Ái	Nam	09/09/1971	8.50	Miễn	8.50	
2	25.02.14.0223	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	Nữ	30/5/1981	7.50	8.50	7.50	
3	25.02.14.0224	Đình Văn	Được	Nam	11/10/1968	8.50	Miễn	8.50	
4	25.02.14.0225	Nguyễn Thị Phương	Hà	Nữ	11/04/1983	3.50	Miễn	3.50	
5	25.02.14.0226	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	18/11/1982	v	v	0.00	
6	25.02.14.0227	Võ Trọng	Nghĩa	Nam	16/01/1988	7.00	Miễn	7.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
7	25.02.14.0228	Từ Mẫn	Nhi	Nữ	02/12/1994	8.00	Miễn	8.00	
8	25.02.14.0229	Cao Hùng	Phong	Nam	20/10/1979	8.00	Miễn	8.00	
9	25.02.14.0230	Nguyễn Phạm Nhật	Thi	Nữ	30/03/1992	7.50	Miễn	7.50	
10	25.02.14.0231	Nguyễn Thị Bích	Thùy	Nữ	28/11/1985	7.50	Miễn	7.50	
11	25.02.14.0232	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30/01/1975	8.00	8.00	8.00	
12	25.02.14.0233	Phạm Đăng	Yên	Nam	28/02/1982	8.50	Miễn	8.50	
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (45)									
1	25.02.15.0234	Phạm Thái Tú	Châu	Nữ	18/06/1990	9.00	Miễn	9.00	
2	25.02.15.0235	Lệnh Tú	Cường	Nam	09/11/1982	9.50	Miễn	9.50	
3	25.02.15.0236	Đình Văn	Cường	Nam	12/11/1994	9.50	Miễn	9.50	
4	25.02.15.0237	Y Hồng	Diệu	Nữ	22/12/1979	3.00	2.00	3.00	
5	25.02.15.0238	Quách Hữu	Dương	Nam	16/10/1995	9.50	Miễn	9.50	
6	25.02.15.0239	Đặng Minh	Đoan	Nữ	13/01/1984	7.50	Miễn	7.50	
7	25.02.15.0240	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Nữ	07/02/1991	8.50	7.00	8.50	
8	25.02.15.0241	Sơn Thị	Hạnh	Nữ	09/09/1989	4.00	Miễn	4.00	
9	25.02.15.0242	Trần Thị	Hạnh	Nữ	23/9/1981	8.50	Miễn	8.50	
10	25.02.15.0243	Lê Hoàng Ngô	Hưng	Nam	16/06/1992	6.50	Miễn	6.50	
11	25.02.15.0244	Võ Thị Lan	Hương	Nữ	02/09/1992	7.50	Miễn	7.50	
12	25.02.15.0245	Huỳnh Thúy	Lan	Nữ	24/03/1984	8.00	Miễn	8.00	
13	25.02.15.0246	Phạm Thị Hồng	Liên	Nữ	02/03/1993	9.00	Miễn	9.00	
14	25.02.15.0247	Nguyễn Khánh Phương	Linh	Nữ	28/02/1994	v	Miễn	0.00	
15	25.02.15.0248	Lâm Khánh	Linh	Nữ	22/09/1994	9.50	Miễn	9.50	
16	25.02.15.0249	Trương Huỳnh Hồng	Loan	Nữ	09/01/1973	9.00	Miễn	9.00	
17	25.02.15.0250	Nguyễn Trương Bảo	Long	Nữ	12/10/1993	9.50	Miễn	9.50	
18	25.02.15.0251	Hồ Phú Anh	Minh	Nam	28/04/1988	7.50	Miễn	7.50	
19	25.02.15.0252	Bùi Thị Trà	My	Nữ	25/03/1994	5.50	Miễn	5.50	
20	25.02.15.0253	Võ Thị Phương	Nga	Nữ	01/04/1984	9.50	Miễn	9.50	
21	25.02.15.0254	Nguyễn Đặng Kim	Ngân	Nữ	15/02/1992	9.50	Miễn	9.50	
22	25.02.15.0255	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	19/12/1994	9.50	Miễn	9.50	
23	25.02.15.0256	Nguyễn Thái Đông	Nhi	Nữ	09/11/1993	9.00	Miễn	9.00	
24	25.02.15.0257	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	27/01/1987	6.50	7.00	6.50	
25	25.02.15.0258	Đào Duy	Quang	Nam	27/04/1986	9.00	Miễn	9.00	
26	25.02.15.0259	Toàn Thị Lệ	Quyên	Nữ	27/08/1988	4.00	5.00	4.00	
27	25.02.15.0260	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	19/04/1980	9.50	Miễn	9.50	
28	25.02.15.0261	Trương Thái	Tân	Nam	15/01/1985	9.50	5.50	9.50	
29	25.02.15.0262	Đặng Trần Công	Thành	Nam	27/11/1993	9.50	Miễn	9.50	
30	25.02.15.0263	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	03/08/1995	9.50	Miễn	9.50	
31	25.02.15.0264	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	Nữ	02/08/1984	8.50	Miễn	8.50	
32	25.02.15.0265	Dương Thị Phương	Thảo	Nữ	21/11/1985	7.50	7.50	7.50	
33	25.02.15.0266	Lê Trần Dạ	Thảo	Nữ	11/08/1992	8.50	Miễn	8.50	
34	25.02.15.0267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/04/1987	7.50	Miễn	7.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
35	25.02.15.0268	Tăng Quang	Thái	Nam	08/05/1986	6.00	Miễn	6.00	
36	25.02.15.0269	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	02/05/1981	10.00	8.50	10.00	
37	25.02.15.0270	Hồ Quang	Tiến	Nam	14/02/1988	v	Miễn	0.00	
38	25.02.15.0271	Lâm Thanh	Trúc	Nữ	11/10/1984	9.50	Miễn	9.50	
39	25.02.15.0272	Lê Thị	Tuyết	Nữ	02/10/1987	8.00	Miễn	8.00	
40	25.02.15.0273	Trần Quốc	Tường	Nam	06/11/1993	9.50	Miễn	9.50	
41	25.02.15.0274	Nguyễn Ngọc Vi	Vi	Nữ	16/02/1993	9.00	Miễn	9.00	
42	25.02.15.0275	Lê Phạm Thảo	Vy	Nữ	06/11/1997	9.50	Miễn	9.50	
43	25.02.15.0276	Võ Tầm	Xuân	Nữ	13/09/1984	9.50	Miễn	9.50	
44	25.02.15.0277	Phạm Thị Ngọc	Xuân	Nữ	05/02/1976	5.50	5.00	5.50	
45	25.02.15.0278	Lê Thị Xuân	Yến	Nữ	16/04/1997	9.00	Miễn	9.00	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (18)									
1	25.02.16.0279	Diệp Phúc	Anh	Nam	05/04/1992	6.50	Miễn	6.50	
2	25.02.16.0280	Bùi Ngọc	Ấn	Nam	10/03/1986	4.00	Miễn	4.00	
3	25.02.16.0281	Trịnh Thị Hồng	Chi	Nữ	04/06/1984	7.50	Miễn	7.50	
4	25.02.16.0282	Ngô	Hoàng	Nam	31/08/1990	8.00	8.00	8.00	
5	25.02.16.0283	Nguyễn Thanh	Khiết	Nam	18/03/1974	6.50	Miễn	6.50	
6	25.02.16.0284	Bùi Hữu	Khôi	Nam	25/11/1974	v	v	0.00	
7	25.02.16.0285	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/09/1978	7.50	Miễn	7.50	
8	25.02.16.0286	Phạm Thị Thanh	Nga	Nữ	10/10/1993	8.50	8.00	8.50	
9	25.02.16.0287	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nữ	02/10/1983	7.00	Miễn	7.00	
10	25.02.16.0288	Lê Danh	Ngọc	Nam	18/11/1988	9.00	Miễn	9.00	
11	25.02.16.0289	Hoàng Nguyễn Quang	Nguyên	Nam	11/05/1990	4.00	5.00	4.00	
12	25.02.16.0290	Vũ Đức	Nhân	Nam	03/05/1994	7.00	Miễn	7.00	
13	25.02.16.0291	Trần Ngọc	Quỳnh	Nam	27/03/1989	7.00	8.00	7.00	
14	25.02.16.0292	Trần Anh	Thư	Nữ	27/08/1990	6.00	Miễn	6.00	
15	25.02.16.0293	Hồ Kim	Thương	Nữ	01/02/1989	8.50	8.50	8.50	
16	25.02.16.0294	Nguyễn Trung	Tính	Nam	28/05/1994	7.50	Miễn	7.50	
17	25.02.16.0295	Đào Minh	Trí	Nam	03/12/1993	v	Miễn	0.00	
18	25.02.16.0296	Châu Huỳnh Cẩm	Tú	Nữ	04/10/1984	6.00	Miễn	6.00	
NGÀNH: THẦN KINH (10)									
1	25.02.17.0297	Đinh Thu	Bình	Nữ	29/12/1983	3.00	6.00	3.00	
2	25.02.17.0298	Nguyễn Ngọc	Công	Nam	06/08/1991	6.50	7.00	6.50	
3	25.02.17.0299	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	09/04/1987	7.50	Miễn	7.50	
4	25.02.17.0300	Dương Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/08/1982	5.50	Miễn	5.50	
5	25.02.17.0301	Nguyễn Huỳnh Vĩnh	Phước	Nam	09/02/1993	7.00	Miễn	7.00	
6	25.02.17.0302	Vương Chinh	Quyên	Nữ	03/11/1983	8.00	Miễn	8.00	
7	25.02.17.0303	Bùi Ngọc	Trâm	Nữ	07/03/1987	5.00	Miễn	5.00	
8	25.02.17.0304	Lê Công	Trí	Nam	03/05/1992	6.00	Miễn	6.00	
9	25.02.17.0305	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	03/08/1993	5.50	8.50	5.50	
10	25.02.17.0306	Phan Đình	Văn	Nam	14/05/1985	8.00	Miễn	8.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN		Tổng điểm	Ghi chú
						CN	NN		
	NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM (2)								
1	25.02.19.0307	Kim	Dung	Nữ	12/03/1975	5.00	6.50	5.00	
2	25.02.19.0308	Trần Văn	Quang	Nam	20/06/1981	5.50	Miễn	5.50	
	NGÀNH: UNG BƯỚU (10)								
1	25.02.20.0309	Đặng Thanh	Hào	Nam	09/11/1993	5.00	Miễn	5.00	
2	25.02.20.0310	Lê Đức	Huy	Nam	03/11/1989	3.50	8.50	3.50	
3	25.02.20.0311	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	05/09/1978	7.50	Miễn	7.50	
4	25.02.20.0312	Trần Thị Minh	Huyền	Nữ	14/02/1989	5.50	7.50	5.50	
5	25.02.20.0313	Hứa Hoàng Tiến	Lộc	Nam	21/10/1992	6.00	8.50	6.00	
6	25.02.20.0314	Mạc Thùy Thảo	Phương	Nữ	04/05/1989	3.50	Miễn	3.50	
7	25.02.20.0315	Võ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	20/12/1991	6.50	7.50	6.50	
8	25.02.20.0316	Tô Kim	Sang	Nam	06/04/1991	7.50	Miễn	7.50	
9	25.02.20.0317	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	30/09/1985	3.50	Miễn	3.50	
10	25.02.20.0318	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	26/07/1992	5.00	8.00	5.00	

Danh sách có 318 thí sinh./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC


PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH